

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

Số: **07** /NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày **08** tháng 6 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU  
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lai Châu;*

*Xét Tờ trình số: 1094/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số: 127/BC-HĐND ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng; các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phát sinh năm 2020 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của các huyện, thành phố để thực hiện 07 công trình, dự án với diện tích 215,13 ha, gồm: Đất nông nghiệp 94,27 ha; đất phi nông nghiệp 83,35 ha; đất chưa sử dụng 37,51 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do ADB và Chính phủ Úc tài trợ dự kiến là 311.911 triệu đồng (*Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo*)

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác để thực hiện 06 công trình, dự án với diện tích 26,54 ha, gồm: Đất trồng lúa 9,37 ha, đất rừng phòng hộ 17,17 ha (*Chi tiết Biểu số 02 kèm theo*)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao



1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp có thay đổi mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai thực hiện các công trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành.**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XIV, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 08 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Hoàn**



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT SINH PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)	Số dụng vào loại đất
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng cộng: 7		215,13	94,27	83,35	37,50	Kinh phí dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do ADB và Chính phủ Úc tài trợ trên địa bàn tỉnh Lai Châu là 311.911 triệu đồng	
<b>I</b>	<b>Huyện Tân Uyên (1)</b>		<b>82,20</b>	<b>37,86</b>	<b>38,34</b>	<b>6,00</b>	<b>0</b>	
		xã Trung Đông	21,93	12,1	9,23	0,6		LUC (0,5 ha); LUK (0,5 ha); BHK (1,0 ha); NHK (3,0 ha); CLN (3,0 ha); RSSX (4,0 ha); NTS (0,1 ha); ONT (0,2 ha); TSC (0,05 ha); DGD (0,1 ha); SKC (0,05 ha); DGT (8,7 ha); DTL (0,01 ha); NTD (0,1 ha); SON (0,02 ha); BCS (0,2 ha); DCS (0,4 ha)
		Thị trấn Tân Uyên	13,71	2,16	11,35	0,2		LUC (0,2 ha); LUK (0,1 ha); BHK (0,5 ha); NHK (0,3 ha); CLN (1,0 ha); NTS (0,06 ha); ODT (0,5 ha); TSC (0,05 ha); CQP (0,09 ha); CAN (0,01 ha); DGD (0,5 ha); DCH (0,05 ha); TMD (0,02 ha); SKC (0,05 ha); DGT (9,9 ha); DSK (0,02 ha); DTL (0,02 ha); SON (0,14 ha); BCS (0,1 ha); DCS (0,1 ha)
		Xã Thân Thuộc	5,34	3,15	2,09	0,1		LUC (0,5 ha); LUK (0,4 ha); BHK (1,0 ha); NHK (0,7 ha); CLN (0,5 ha); NTS (0,05 ha); ONT (0,2 ha); TSC (0,05 ha); DGD (0,1 ha); DGT (1,7 ha); SON (0,04 ha); BCS (0,1 ha)
		Xã Phúc Khoa	12,88	4,85	5,73	2,3		LUC (0,3 ha); LUK (0,5 ha); BHK (1,0 ha); NHK (1,0 ha); CLN (2,0 ha); NTS (0,05 ha); ONT (0,3 ha); TSC (0,05 ha); DGD (0,1 ha); SKC (0,05 ha); DGT (4,4 ha); DTL (0,6 ha); NTD (0,08 ha); SON (0,15 ha); BCS (0,3 ha); DCS (2,0 ha)

1 Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do ADB và Chính phủ Úc tài trợ



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)	Sử dụng vào loại đất
			Tổng công	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
		Xã Pắc Ta	28,34	15,6	9,94	2,8	LUC(1,5 ha); LUK (1,0 ha); BHK (2,0 ha); NHK (3,0 ha); CLN (2,0 ha); RSX (6,0 ha); NTS (0,1 ha); ONT (0,3 ha); TSC (0,05 ha); DGD (0,1 ha); DCH (0,02 ha); SKC (0,01 ha); DGT (9,0 ha); DTL (0,01 ha); NTD (0,2 ha); SON (0,25 ha); BCS (0,3 ha)	
<b>II</b>	<b>Huyện Tam Đường (2)</b>		<b>63,27</b>	<b>17,65</b>	<b>18,40</b>	<b>27,21</b>	<b>0</b>	
1	Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía bắc (Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài-Lào Cai)	Xã Bản Bo	7,32	2,76	4,51	0,05	LUC (1,72ha); LUK (3,25ha); BHK (0,40ha); NHK (1,79ha); CLN (4,02ha); RSX (3,66ha); NTS (0,09ha); ONT (3,56ha); DGD (0,11ha); SKC (0,003ha); DGT (14,26ha); DTL (0,007ha); NTD (0,07ha); SON (0,34ha); DCS (2,94ha)	
2	Khu Đô thị thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu	Xã Nùng Nàng	27,06	2,73	0,06	24,27		
<b>III</b>	<b>Huyện Than Uyên (1)</b>		<b>27,66</b>	<b>7,99</b>	<b>15,52</b>	<b>4,15</b>	<b>0</b>	
1	Dự án Kết nối giao thông miền núi phía Bắc vốn vay ADB và chính phủ Úc tài trợ	Xã Phúc Than	27,66	7,99	15,52	4,15	LUC: 0,37; LUK: 0,69; BHK: 0,60; NHK: 0,69; CLN: 0,38; RSX: 1,21; RPH: 3,97; NTS: 0,07; ONT: 1,83; TSC: 0,02; DGD: 0,15; DYT: 0,02; SKX: 0,05; DGT: 13,25; DNL: 0,08; SON: 0,12;	
<b>IV</b>	<b>Thành phố Lai châu (3)</b>		<b>42,00</b>	<b>30,77</b>	<b>11,09</b>	<b>0,14</b>	<b>0</b>	
1	Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ	Xã San Thàng và phường Đông Phong	11,60	4,42	7,18		LUC(1,05); BHK(1,75); NHK(0,02); CLN(1,40); NTS(0,20); ONT(0,40); ODT(0,80); QP(0,04); DKV(0,01); DNL(0,00057); DGT(5,92); SON(0,000)	
2	Khu trung tâm thương mại và nhà ở Lai Châu	Phường Đoàn Kết	3,48		3,48		TSC(0,18); DTS(3,10); DGT(0,20)	
3	Khu Đô thị thiên đường Mắc ca tỉnh Lai Châu	Phường Tân Phong	26,92	26,35	0,43	0,14	NHK(11,15); CLN(2,00); RPH(13,20); ODT(0,40); SKC(0,03); DCS(0,14)	



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT SINH PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG  
ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ/HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)			Ghi chú
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>Tổng cộng: 6</b>		<b>26,54</b>	<b>9,37</b>	<b>17,17</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Tân Uyên (1)</b>		<b>5,50</b>	<b>5,50</b>	<b>0,00</b>	
		Xã Trung Đông	1,00	1,00		
		Thị trấn Tân Uyên	0,30	0,30		
		Xã Tân Thuộc	0,90	0,90		
		Xã Phúc Khoa	0,80	0,80		
		Xã Pắc Ta	2,50	2,50		
<b>II</b>	<b>Huyện Tam Đường (02)</b>		<b>1,76</b>	<b>1,76</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
		Các xã Bản Bo; Nà Tăm; Bình Lư; Bản Hơ; Xã Bản Giang	1,72	1,72		
2	Khu đô thị thiên đường Mắc ca tỉnh Lai Châu	Xã Nùng Nàng	0,04	0,04		
<b>III</b>	<b>Huyện Than Uyên (1)</b>		<b>5,03</b>	<b>1,06</b>	<b>3,97</b>	<b>0,00</b>
		Xã Phúc Than	5,03	1,06	3,97	
<b>IV</b>	<b>Thành phố Lai Châu (2)</b>		<b>14,25</b>	<b>1,05</b>	<b>13,20</b>	
		Xã San Thàng và phường Đông Phong	1,05	1,05		
2	Khu Đô thị thiên đường Mắc ca tỉnh Lai Châu	Phường Tân Phong	13,2		13,2	

